**2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật hoặc liên hệ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương - Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Gia Lai, 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai để được hướng dẫn.

**Bước 2:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương - Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Gia Lai - 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

\* Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi giấy chứng nhận hết hiệu lực: Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu.

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 3:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương - Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Gia Lai.

\* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại trụ sở: Từ 7h30 đến 10h30 sáng, từ 13h30 đến 16h30 chiều các ngày làm việc trong tuần *(trừ các ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật).*

**b) Cách thức thực hiện:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Công Thương - Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Gia Lai, nộp qua mạng điện tử hoặc qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

\* Thành phần hồ sơ:

1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

- Đơn đề nghị cấp lại.

2. Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

- Đơn đề nghị;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

3. Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.

4. Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).”

5. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh:

- Đơn đề nghị;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

6. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh:

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Tài liệu chứng minh sự giảm về cơ sở kinh doanh.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

2. Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

3. Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

4. Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

5. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

6. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện TTHC**:

- Tổ chức;

- Cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Công Thương.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**h) Phí, lệ phí:**

1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Lệ phí cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Không thu.

2. Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

Thực hiện theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC này 12/8/2020 của Bộ Tài Chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu.

4. Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu.

5. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh:

Thực hiện theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC này 12/8/2020 của Bộ Tài Chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

6. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh: Không thu.

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (mẫu 1b);

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất:

+ Cơ sở sản xuất: Mẫu 2a.

+ Cơ sở kinh doanh: Mẫu 2b

+ Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh: Mẫu số 2 a và mẫu số 2b

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở:

+ Cá nhân: Mẫu 01

+ Tổ chức: Mẫu 02

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện:**

\* Điều kiện chung: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo được cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

\* Điều kiện riêng:

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm có công suất thiết kế:

1. Rượu: Nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm.

2. Bia: Nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm.

3. Nước giải khát: Nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm.

4. Sữa chế biến: Nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm.

5. Dầu thực vật: Nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm.

6. Bánh kẹo: Nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm.

7. Bột và tinh bột: Nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương.

**l) Căn cứ pháp lý TTHC:**

**-** Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH 12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều khiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

**-** Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

## - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

 - Thông tư số 75/2020/TT-BTC này 12/8/2020 của Bộ Tài Chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

 - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

 **-** Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 4501/QĐ-BCT 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương.